

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - HẢI DƯƠNG
HA NOI - HAI DUONG BEER JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: Phố Quán Thánh - P.Bình Hàn - TP.Hải Dương - tỉnh Hải Dương

Điện thoại: 0220.3852 319 **Fax:** 0220.3859 835

Website: www.habecohtd.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tổ chức niêm yết: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI - HẢI DƯƠNG

Năm báo cáo : 2021

Số: 181/BC-HĐQT

Hải Dương, ngày 06 tháng 04 năm 2022

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN (năm 2021)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương.
- Tên viết tắt: HABECO HD
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 0800283766 cấp lần 9 ngày 17 tháng 9 năm 2018.
- Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 40.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: phố Quán Thánh, phường Bình Hàn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.
- Số điện thoại: 0220.3852.319
- Số Fax: 0220.3859.835
- Website: habecohd.com.vn
- Mã cổ phiếu: HAD

- Quá trình hình thành và phát triển

+ Việc thành lập:

Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương trước đây là doanh nghiệp nhà nước, tiền thân từ xí nghiệp Chế biến mì sợi chuyển đổi thành Xí nghiệp Nước giải khát Hải Hưng theo Quyết định số 904/QĐ-UB ngày 30/10/1992 và thành Công ty Bia - Nước giải khát Hải Hưng theo Quyết định số 2102/TC ngày 18/11/1994 của UBND tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hải Dương), trực thuộc Sở

Công nghiệp Hải Dương; sau đó được chuyển giao trực thuộc Ban Tài chính Quản trị Tỉnh uỷ Hải Dương theo Quyết định số 1819/TC ngày 21/11/1995 của UBND tỉnh Hải Dương.

+ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Năm 2003, Công ty thực hiện cổ phần hoá theo Quyết định số 3192/QĐ-UB ngày 12/8/2003 của UBND tỉnh Hải Dương và chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần kể từ ngày 19/9/2003.

+ Niêm yết

Cổ phiếu Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận niêm yết theo Quyết định số 648/QĐ-SGDHN ngày 08/10/2009 và chính thức giao dịch từ ngày 27/10/2009.

- Loại chứng khoán: Phổ thông
- Mã chứng khoán: HAD
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay: 4.000.000 cổ phiếu.

+ Các sự kiện khác:

Sau khi 55% phần vốn Nhà nước tại Công ty do Tỉnh uỷ Hải Dương là người đại diện quản lý được chuyển giao về Tổng Công ty Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (nay là Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội) theo Quyết định số 756/QĐ-TCCB ngày 19/4/2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương), Công ty trở thành doanh nghiệp thành viên trong tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con của Tổng Công ty CP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (HABECO) và đổi tên từ Công ty cổ phần Bia Hải Dương thành Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương như ngày nay.

Năm 2007, dây chuyền sản xuất của Công ty có công suất 50 triệu lít bia/năm với hệ thống thiết bị tiên tiến và hiện đại của CHLB Đức, đáp ứng mọi yêu cầu trong sản xuất các sản phẩm bia.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Bia, rượu, nước uống không cồn và các sản phẩm công nghiệp dịch vụ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

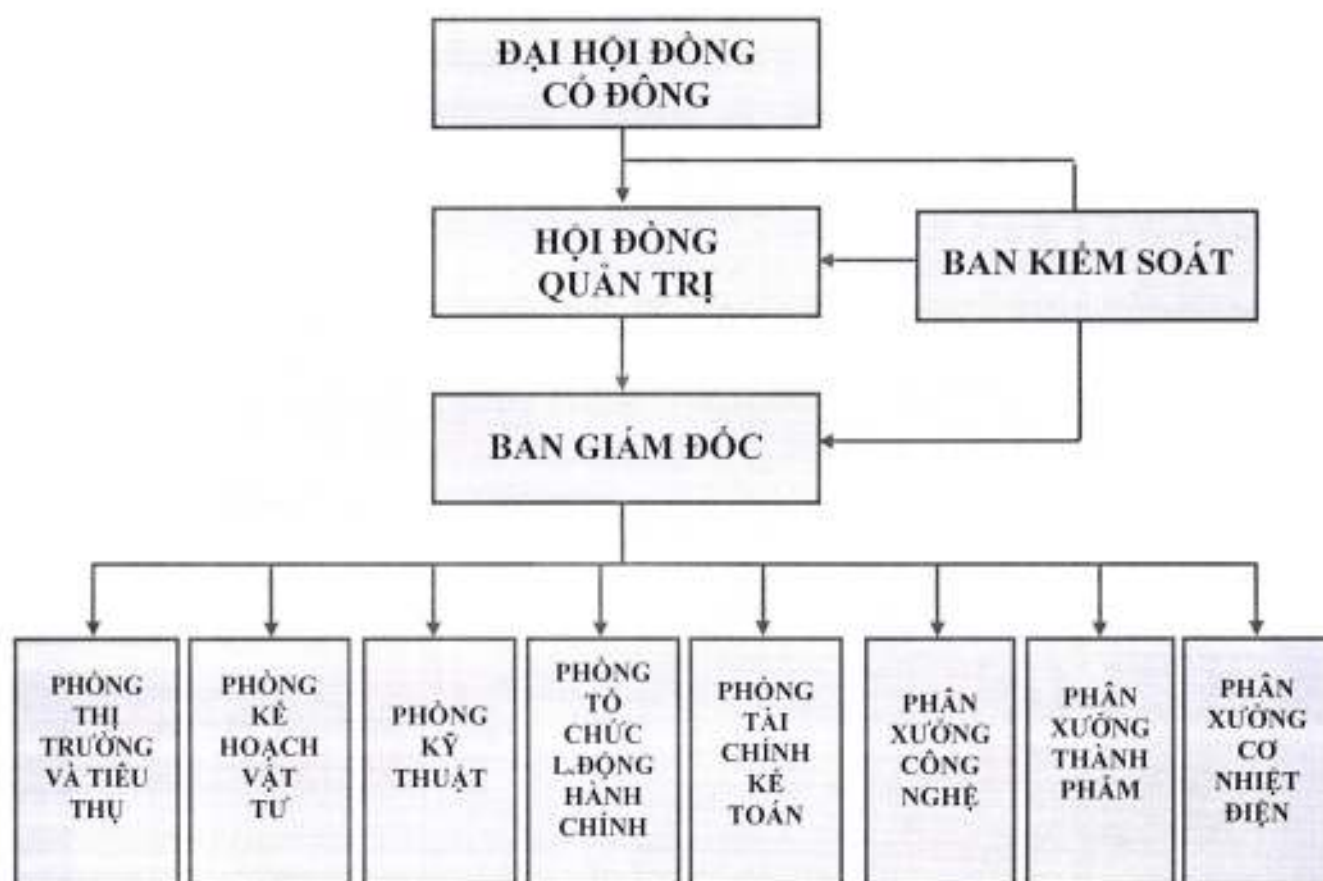
+ Địa bàn kinh doanh chính: tỉnh Hải Dương.



3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

3.1. Mô hình quản trị của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.



3.3. Các Công ty con, công ty liên kết

a) Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của Công ty:

Tổng Công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội (HABECO) đang nắm giữ 55% vốn cổ phần của Công ty, tương đương 2.200.000 cổ phần.

b) Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty nắm giữ: (Không có)

c) Tình hình đầu tư vào các công ty có liên quan: (Không có)

d) Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan:

HABECO là Tổng Công ty Nhà nước, được cổ phần hoá và chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần kể từ ngày 16/06/2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025268 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố

Hà nội cấp, với chức năng vừa trực tiếp hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư góp vốn vào các công ty con, công ty liên kết.

Ngành nghề hoạt động chính như sau:

- Sản xuất kinh doanh các loại: bia, rượu, cồn, nước giải khát, vật tư, nguyên liệu, thiết bị, phụ tùng có liên quan đến ngành sản xuất bia, rượu, nước giải khát, các loại hương liệu, nước cốt để sản xuất bia, rượu, nước giải khát; các loại bao bì, nhãn hiệu cho ngành bia, rượu, nước giải khát;

- Dịch vụ tư vấn, đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; thiết kế, chế tạo, xây, lắp đặt thiết bị và công trình chuyên ngành bia, rượu, nước giải khát;

- Đầu tư tài chính, kinh doanh vốn: mua bán chứng khoán, cổ phần, góp vốn đầu tư liên doanh, liên kết, ngân hàng tài chính;

Vốn điều lệ của Habeco là 2.318.000.000.000 đồng, trong đó Nhà nước nắm giữ 81,79% tương đương 189.592.400 cổ phần.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Doanh thu - Lợi nhuận năm 2022:

+ Doanh thu bán hàng : 134 tỷ đồng

+ Lợi nhuận sau thuế : 2,8 tỷ đồng

- Sản phẩm: 24.435.000 lít bia các loại.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Tiếp tục thực hiện đầu tư chiều sâu cải tạo, nâng cấp thiết bị đáp ứng yêu cầu và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả đầu tư cao nhất. Đầu tư nâng cao năng lực và trình độ thiết bị sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm.

- Xây dựng cơ bản: tiếp tục thực hiện việc cải tạo mặt bằng, nhà xưởng nhằm đảm bảo điều kiện làm việc cho người lao động.

- Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới: Trú trọng đầu tư cho công tác nghiên cứu phát triển thêm sản phẩm mới, bao gồm nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm truyền thống, nâng cao chất lượng, bao bì, mẫu mã sản phẩm nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường; Nghiên cứu và phát triển sản phẩm bia lon nhằm đa dạng hóa sản phẩm và tăng tính cạnh tranh của Công ty trên thị trường.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: luôn đảm bảo cảnh quan môi trường xanh – sạch – đẹp; tiếp tục quan tâm và thực



hiện tốt công tác từ thiện xã hội...; Bảo đảm việc làm, thu nhập cho người lao động và lợi ích của các cổ đông, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước.

5. Các rủi ro.

- Rủi ro về kinh tế: Việt Nam đã và đang hội nhập sâu rộng kinh tế quốc tế vừa tạo ra cơ hội vừa đặt ra thách thức đối với các doanh nghiệp bia trong nước, nhất là với các doanh nghiệp nhỏ và vừa về khả năng cạnh tranh đối với các hãng bia ngoại, thương hiệu lớn.

- Rủi ro đặc thù ngành: Bia là sản phẩm chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB) của Nhà nước nên các doanh nghiệp sản xuất bia chịu ảnh hưởng lớn trong sự thay đổi chính sách thuế của Chính phủ. Mức thuế suất cao sẽ làm các doanh nghiệp bia địa phương gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh cũng như đầu tư phát triển. Bên cạnh đó là ảnh hưởng của hàng loạt các biện pháp nằm trong chính sách hạn chế tác hại của lạm dụng đồ uống có cồn đã, đang và sẽ ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về thị trường: Bia là sản phẩm đồ uống mà sản lượng tiêu thụ phụ thuộc nhiều vào thu nhập của người dân cũng như sự phát triển của nền kinh tế. Cùng với sự khủng hoảng của nền kinh tế toàn cầu và sự giảm sút của tốc độ tăng trưởng kinh tế đã ảnh hưởng rất lớn sản lượng tiêu thụ bia. Công ty chịu tác động trực tiếp và sâu sắc từ những chính sách, định hướng trong sản xuất kinh doanh của Habeco.

- Rủi ro về kinh doanh: Hiện tại, trong số bốn (04) loại nguyên vật liệu chính để sản xuất bia thì ba (03) loại nguyên vật liệu Công ty phải nhập khẩu từ nước ngoài thông qua các công ty thương mại. Giá nguyên vật liệu phụ thuộc và tình hình thị trường quốc tế nên thường không ổn định và có xu hướng tăng qua các năm. Do đó sự biến động về giá có ảnh hưởng rất lớn đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty: Chi phí nguyên vật liệu và vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh tăng cao, giá xăng dầu tăng; Việc vận chuyển cung cấp hàng hóa khó khăn, nguồn cung bị hạn chế, đứt gãy chuỗi cung ứng...

- Các rủi ro khác: Hoạt động sản xuất kinh doanh bia của các công ty còn chịu sự tác động của thiên tai, biến động giá cả, biến động chính trị, xã hội trong và ngoài nước, chiến tranh, bệnh dịch... Đặc biệt, trong năm vừa qua, do ảnh hưởng của dịch bệnh do Covid-19 nên Công ty đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc sản xuất – tiêu thụ sản phẩm. Sức cầu và thói quen tiêu dùng của người dân có nhiều thay đổi, đặc biệt đối với sản phẩm bia.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2021

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Năm 2021, Công ty tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn do hàng loạt các yếu tố khách quan như: Dịch bệnh do Covid 19 bùng phát mạnh trên địa bàn tỉnh Hải Dương nói riêng và cả nước nói chung (trong 6 tháng đầu năm, Công ty gần như đóng cửa, chỉ hoạt động cầm chừng); Sức ép cạnh tranh trên thị trường ngày càng gay gắt và trở lên khốc liệt từ các thương hiệu bia lớn của nước ngoài và các doanh nghiệp bia tư nhân trong nước; Sản lượng tiêu thụ của Công ty phụ thuộc nhiều vào việc giao chỉ tiêu của Tổng Công ty (bia chai Hà Nội 450 ml). Năm 2021, Tổng Công ty không giao gia công bia chai Hà Nội, hiệu suất sử dụng năng lực dây chuyền thiết bị thấp hơn nhiều so với công suất thiết kế... đã ảnh hưởng đến công tác tổ chức lao động sản xuất, hiệu quả kinh doanh.

Trong điều kiện môi trường sản xuất kinh doanh không thuận lợi, Ban điều hành đã nỗ lực thực hiện nhiều giải pháp như tập trung cho sản phẩm chủ lực là bia hơi Hải Dương bằng việc nâng cao chất lượng, mở rộng mạng lưới tiêu thụ sang các thị trường ngoại tỉnh; thực hiện đa dạng hóa sản phẩm; tiếp tục quảng bá phát triển thương hiệu Bia hơi Hà Nội trên địa bàn...

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2021:

| Chỉ tiêu | Đvt | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2021 | % thực hiện so với: | |
|-----------------------|----------------------|----------------|---------------|----------------|---------------------|--------------|
| | | | | | KH năm | CK |
| 1. Sản lượng tiêu thụ | 1.000 ^{lit} | 27.782 | 23.500 | 24.667 | 105,0 | 88,8 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| - Bia Hải Dương | 1.000 ^{lit} | 21.624 | 20.500 | 22.575 | 110,1 | 104,4 |
| - Bia Hà Nội | | 6.158 | 3.000 | 2.092 | 69,7 | 34,0 |
| 2. Doanh thu | Tỷ đ | 150,4 | 121,9 | 126,6 | 103,9 | 84,2 |
| 3. Nộp NS | - | 115,7 | 88,1 | 96,4 | 109,4 | 83,3 |
| 4. LNST | - | 8,28 | 1,79 | 3,15 | 176,0 | 38,0 |

2. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

Ban điều hành gồm 4 thành viên: Giám đốc, 2 Phó Giám đốc và Kế toán trưởng:

1. Ông Trần Huy Loãn: Giám đốc
2. Ông Trần Văn Hà: Phó Giám đốc
3. Ông Vũ Văn Khoan: Phó Giám đốc
4. Bà Đặng Thị Minh Duyệt: Kế toán trưởng.

*** Tóm tắt lý lịch**

- Ông Trần Huy Loan: Giám đốc

| | |
|------------------------------|--|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 18/02/1973 |
| Nơi sinh | Gia Lộc, Hải Dương |
| CMND | 142265765 ngày 14/10/2003 tại Hải Dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Xã Bình Lãng, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương |
| Địa chỉ thường trú | Khu 5, phường Việt Hoà, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương |
| Chỗ ở hiện tại | Khu 5, phường Việt Hoà, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương |
| Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế |
| Quá trình công tác | 3/1995-5/2003: Chuyên viên kế toán, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; 6/2003-10/2001: Trưởng phòng TCLĐHC, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; 11/2011-3/2013: Phó Giám đốc, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; 4/2013-9/2015: Phó Giám đốc kiêm Kế toán trưởng, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; 10/2015-18/4/2017: Phó Giám đốc, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; 19/4/2017 đến nay: Giám đốc, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; |
| Chức vụ hiện nay tại Công ty | Phó Chủ tịch HĐQT, Giám đốc Công ty |

| | |
|---|--|
| Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | 0 |
| Người liên quan và số lượng cổ phần sở hữu: | Không có, |
| Số cổ phần đại diện cho HABECO tại Công ty: | 200.000 cổ phần, chiếm 5% tổng số cổ phần của Công ty. |

- Ông Trần Văn Hà: Phó Giám đốc

| | |
|---------------------|---|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 11/02/1974 |
| Nơi sinh | Hải Dương |
| CMND | 141654252, CA Hải Dương cấp ngày 19/10/1990 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Quảng Nghiệp, Tứ Kỳ, Hải Dương |
| Địa chỉ thường trú | Số 10/60 Quán Thánh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương |
| Chỗ ở hiện tại | Số 10/60 Quán Thánh, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương |
| Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ |
| Quá trình công tác | 1/1999-12/2002: Kỹ sư phòng Kỹ thuật, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; 1/2003-6/2007: Tổ trưởng tổ Nấu, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; 7/2007-8/2014: Quản đốc PX Bia hơi, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; 9/2014-6/2017: Trưởng phòng Kỹ thuật, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; 7/2017 đến nay: Phó Giám đốc, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; |

300283
CÔNG TY
CỔ PHẦN
BIA
HỘI HẢI
DƯƠNG

| | |
|---|--|
| Chức vụ hiện nay tại Công ty | Phó Giám đốc |
| Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | 910 cổ phần chiếm 0,023% tổng số cổ phần của Công ty. |
| Người liên quan và số lượng cổ phần sở hữu: | Vợ: Đinh Thị Hà. Số CMND: 141796029; Sở hữu 40 cổ phần, chiếm 0,001% tổng số cổ phần của Công ty. |
| Số cổ phần đại diện cho HABECO tại Công ty: | Không có |

- Ông Vũ Văn Khoan: Phó Giám đốc

| | |
|------------------------------|--|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 04/08/1977 |
| Nơi sinh | Thanh Miện, Hải Dương |
| Số CMND | 141690297 , CA Hải Dương cấp ngày 22/4/1998 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Thanh Miện, Hải Dương |
| Địa chỉ thường trú | Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương, Hải Dương |
| Chỗ ở hiện tại | Lê Thanh Nghị, TP Hải Dương, Hải Dương |
| Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Luật, Thạc sỹ QTKD. |
| Quá trình công tác | 7/2002-6/2007: Chuyên viên Phòng Kế hoạch Vật tư, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; 7/2007-7/2010: Phó trưởng phòng Thị trường và Tiêu thụ, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; 8/2010-3/2020: Trưởng phòng Thị trường và Tiêu thụ, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; 4/2020 đến nay: Phó Giám đốc, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương. |
| Chức vụ hiện nay tại Công ty | Phó Giám đốc (từ ngày 01/04/2020) |

| | |
|---|--|
| Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | 150 chiếm 0,004% tổng số cp của Công ty. |
| Người liên quan và số lượng cổ phần sở hữu: | Không có |
| Số cổ phần đại diện cho HABECO tại Công ty: | Không có |

- Bà Đặng Thị Minh Duyệt: Kế toán trưởng

| | |
|------------------------------|--|
| Giới tính | Nữ |
| Ngày sinh | 15/11/1968 |
| Nơi sinh | Gia Khánh, Gia Lộc, Hải Dương |
| Số CMND | 141946609 cấp ngày 15/8/2006 tại CA Hải Dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Gia Khánh, Gia Lộc, Hải Dương |
| Địa chỉ thường trú | 24 Vũ Trọng Phụng - TP Hải Dương |
| Chỗ ở hiện tại | 24 Vũ Trọng Phụng - TP Hải Dương |
| Trình độ văn hóa | 10/10 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kinh tế, chuyên ngành Kế toán |
| Quá trình công tác | 1987 - 1990: Công nhân Xí nghiệp may 2 Hải Hưng; 1991 - T5/1996: Công nhân Xí nghiệp may 1 Hải Hưng; T6/1996 - T11/2013: Nhân viên phòng Tài chính Kế toán, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; T12/2013 - T9/2015: Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; T10/2015 đến nay: Kế toán trưởng, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương; |
| Chức vụ hiện nay tại Công ty | Kế toán trưởng |

| | |
|---|--|
| Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | Không có |
| Người liên quan và số lượng cổ phần sở hữu: | - Bà Đặng Thị Nguyệt (chị ruột): 400 cổ phần, chiếm 0,01% tổng số cổ phần của Công ty. |
| Số cổ phần đại diện cho HABECO tại Công ty: | Không có |

2.2. Thay đổi trong Ban điều hành: không có

2.3. Số lượng cán bộ công nhân viên

- Tổng số cán bộ, công nhân viên đến ngày 31/12/2021: 160 người, giảm 8% so với năm 2020 (tại ngày 31/12/2020 là 174 người), trong đó:

+ Số lao động nam: 91 người (56,9%)

+ Số lao động nữ: 69 người (43,1%)

+ Lao động có trình độ Đại học, trên Đại học: 58 người (36,3%)

+ Lao động có trình độ Cao đẳng, trung cấp: 40 người (25,0%)

+ Lao động là công nhân kỹ thuật: 62 người (38,7%)

- Công ty đảm bảo và thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và các chế độ, chính sách hiện hành của Nhà nước. Thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty năm 2021 đạt trên 9 triệu đồng/người/tháng.

- Người lao động được trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân theo yêu cầu từng vị trí công việc; khám sức khỏe định kỳ từ 1 đến 2 lần/năm; môi trường làm việc ngày càng được cải thiện.

- Người lao động được tham dự nhiều khóa đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, tay nghề. Hàng năm, Công ty tổ chức các buổi sinh hoạt tập thể, tham quan, du lịch, thăm hỏi, ốm đau... Ngoài các chế độ BHXH theo quy định, Công ty còn hợp đồng với đơn vị bảo hiểm mua gói Bảo hiểm sức khỏe cho người lao động với tổng số tiền 500 triệu đồng.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn.

Năm 2021 Công ty không có dự án đầu tư lớn, chỉ triển khai một số hạng mục đầu tư, sửa chữa nhỏ để phục vụ sản xuất và cải thiện điều kiện làm việc

cho người lao động và tuân thủ quy định pháp luật về môi trường, như: đầu tư mua keg Inox phục vụ bán bia hơi Hà Nội; Cải tạo, hoàn thiện các thiết bị chiết bia hơi Hanover, máy lạnh, cải tạo nhà xưởng các khu vực sản xuất, chuyển đổi từ sản xuất sang mua hơi; Các hạng mục sửa chữa, cải tạo nhà xưởng sản xuất và mua sắm phụ tùng được thực hiện đúng quy trình

b) Các công ty con, công ty liên kết: không có.

4. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính

Các chỉ tiêu tài chính cơ bản trong 2 năm gần đây như sau:

Đơn vị tính: VND

| Chỉ tiêu | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 92.917.927.734 | 89.837.990.641 | 96,69 |
| Doanh thu thuần | 150.770.112.412 | 126.565.348.049 | 83,95 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 9.902.977.151 | 3.864.490.783 | 39,02 |
| Lợi nhuận khác | -12.884.399 | -170.261.248 | 1.321,45 |
| Lợi nhuận trước thuế | 9.890.092.752 | 3.694.229.535 | 37,35 |
| Lợi nhuận sau thuế | 8.277.703.016 | 3.150.804.383 | 38,06 |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | 10% | 10% | 100,0 |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

- Khả năng sinh lời, khả năng thanh toán:

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2020 | Năm 2021 |
|---|-------------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | lần | 3,78 | 3,51 |
| + Hệ số khả năng thanh toán nhanh: | lần | 2,76 | 2,28 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn | | | |
| - Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 17,12 | 19,87 |

| | | | |
|---|------|-------|-------|
| - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 20,65 | 24,80 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| - Vòng quay hàng tồn kho: | vòng | 6,81 | 4,43 |
| - Vòng quay tổng tài sản: | vòng | 1,62 | 1,41 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 5,50 | 2,49 |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu | % | 10,75 | 4,38 |
| - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | % | 8,91 | 3,51 |
| - Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 6,58 | 3,05 |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần.

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...):

+ Cổ phiếu thường : 4.000.000 cổ phiếu

+ Cổ phiếu ưu đãi : Không có

+ Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): Không có

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

+ Cổ phiếu thường : 4.000.000 cổ phiếu.

- Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ theo từng loại: không có

b) Cơ cấu cổ đông năm 2021

| Stt | Loại cổ đông | Số lượng | Số CP sở hữu | Tỷ lệ (%) |
|-----|--------------|----------|--------------|-----------|
| 1. | Tỷ lệ sở hữu | | | |
| | Cổ đông lớn | 1 | 2.200.000 | 55,0 |
| | Cổ đông nhỏ | 687 | 1.800.000 | 45,0 |

| | | | | |
|---|-------------------|------------|------------------|--------------|
| 2 | Thành phần | | | |
| | Tổ chức | 15 | 2.486.188 | 62,15 |
| | Cá nhân | 489 | 1.513.812 | 37,85 |
| 3 | Cơ cấu cổ đông | | | |
| | Trong nước | 466 | 3.658.184 | 91,45 |
| | Nước ngoài | 38 | 341.816 | 8,55 |
| 4 | Nguồn vốn cổ đông | | | |
| | Nhà nước | 01 | 2.200.000 | 55,0 |
| | Cổ đông khác | 503 | 1.800.000 | 45,0 |
| | Tổng cộng: | 688 | 4.000.000 | 100,0 |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

e) Các chứng khoán khác: không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

Công ty luôn có ý thức trách nhiệm đối với môi trường thông qua việc cải tiến trong sản xuất và tổ chức quan trắc môi trường theo định kỳ; phân loại chất thải thông thường và chất thải nguy hại để xử lý riêng.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: sử dụng tiết kiệm điện trong sản xuất, xử lý các loại chất thải đúng quy định; trồng thêm nhiều cây xanh, tạo môi trường làm việc xanh – sạch – đẹp.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 3.610 tấn (malt, gạo, đường và hoa houblon), nước: 112.120 m³

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: lượng nước sau khi sử dụng sẽ qua hệ thống tái xử lý nước thải để tiếp tục sử dụng cho một số công việc khác.

Công ty đã hoàn thành lắp đặt hệ thống thiết bị quan trắc nước thải tự động, kết nối trực tiếp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hải Dương. Việc quản lý chất thải nguy hại, an toàn bức xạ, an toàn hóa chất, quan trắc môi trường, các báo cáo định kỳ theo yêu cầu của các cơ quan chức năng được thực hiện đúng quy định.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Điện: 2.805.455 kW;

Than: 125 tấn. Từ tháng 4/2021, Công ty không sử dụng than để đốt nồi hơi mà đã hợp đồng mua hơi với 1 đơn vị cung cấp khác, tổng số hơi mua: 4.690 tấn.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: sử dụng điện theo giờ (hạn chế giờ cao điểm), cải tiến thiết bị, máy móc hiện đại với năng suất cao...

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm) 127.348 m³

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng nguồn cung cấp nước: Công ty TNHH MTV nước sạch thành phố Hải Dương.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng:

Lượng nước tái chế và tái sử dụng của Công ty được lấy từ 2 nguồn là nước ngưng thu hồi và nước thải sau RO thu hồi.

- Nước ngưng thu hồi: 5.200m³

- Nước thải sau RO: 5.800m³

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Lao động bình quân năm 2021: 160 người

- Thu nhập bình quân: 9,7 triệu đồng/người/tháng

Toàn bộ người lao động của Công ty được chi trả lương, thưởng theo Quy chế chi trả thu nhập, trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật lao động, tính thống nhất toàn Công ty và tính cạnh tranh trên thị trường. Căn cứ xác định thu nhập là sự cân bằng của 4 yếu tố bao gồm: Vị trí công việc đảm nhận, Năng lực cá nhân đạt được/thể hiện, Kết quả thực hiện công việc và Kết quả kinh doanh của công ty.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Hàng năm, Công ty đều trích từ lợi nhuận sau thuế vào Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi để khen thưởng cho nhân viên theo đánh giá kết quả thực hiện công việc; thực hiện các phúc lợi đã thỏa thuận theo Thỏa ước lao động tập thể và chi cho các hoạt động xã hội, từ thiện, cộng đồng...

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động: 1 lần/năm.

Đối với người lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm; Tổ chức bộ phận y tế, gồm 01 y sỹ phụ trách y tế lao động.

Các vấn đề về an toàn vệ sinh lao động ngày càng được chú trọng. Trong năm, Công ty đã đầu tư trên 500 triệu đồng để thực hiện giải pháp kỹ thuật về an toàn, giải pháp kỹ thuật về vệ sinh, trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân, đào tạo tập huấn về an toàn, vệ sinh lao động; 200 triệu cho chi phí phòng chống dịch bệnh; tăng cường nguồn lực nhân sự trong hoạt động quản lý, kiểm tra, giám sát thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động, tần suất kiểm tra 1 tháng/lần.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên

Trong năm 2021, Công ty đã tổ chức 7 khóa đào tạo với 156 lượt người, tổng số giờ đào tạo: 1.672 giờ (bình quân 10,5 giờ/người/năm)

Cụ thể:

+ Đào tạo về An toàn vệ sinh lao động: 90 người (cán bộ quản lý và người lao động trực tiếp sản xuất, mạng lưới an toàn vệ sinh viên)

+ Đào tạo về An toàn vệ sinh thực phẩm: 40 người

+ Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp gồm: đào tạo cấp chứng chỉ lái xe nâng, đào tạo về xây dựng đánh giá rủi ro, xác định nguyên nhân của sự không phù hợp (ISO), quản lý năng lượng.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ngoài các hoạt động SXKD, Công ty luôn chú trọng tham gia các hoạt động xã hội từ thiện, hỗ trợ gia đình chính sách, nhận chăm sóc 01 Mẹ Việt Nam anh hùng tại địa phương.

Hàng năm, Công ty luôn ủng hộ cho các quỹ tại địa phương: Quỹ Vì người nghèo, Quỹ Đền ơn đáp nghĩa, Quỹ khuyến học, Ủng hộ đồng bào bảo lụt... với tổng số tiền trên 100 triệu đồng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

| Chỉ tiêu | Đvt | Thực hiện 2020 | Kế hoạch 2021 | Thực hiện 2021 | % thực hiện so với: | |
|-----------------------|----------------------|----------------|---------------|----------------|---------------------|-------|
| | | | | | KH năm | CK |
| 1. Sản lượng tiêu thụ | 1.000 ^{lit} | 27.782 | 23.500 | 24.667 | 105,0 | 88,8 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | | |
| - Bia Hải Dương | 1.000 ^{lit} | 21.624 | 20.500 | 22.575 | 110,1 | 104,4 |
| - Bia Hà Nội | | 6.158 | 3.000 | 2.092 | 69,7 | 34,0 |
| 2. Doanh thu | Tỷ đ | 150,4 | 121,9 | 126,6 | 103,9 | 84,2 |
| 3. Nộp NS | - | 115,7 | 88,1 | 96,4 | 109,4 | 83,3 |
| 4. LNST | - | 8,28 | 1,79 | 3,15 | 176,0 | 38,0 |

Năm 2021, dịch bệnh do COVID-19 tiếp tục bùng phát làm tê liệt ngành giải trí, du lịch và đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến các đơn vị cung cấp dịch vụ cho các ngành này, cụ thể là sản xuất, kinh doanh bia. Tỉnh Hải Dương bị ảnh hưởng nặng bởi dịch bệnh, các mặt hàng không thiết yếu bị cấm bán. Riêng các cửa hàng, quán bia bị cấm bán trong thời gian 8 tháng. Ngoài ra, tác động của Nghị định 100 và sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành cũng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Công ty.

Tuy nhiên với sự ủng hộ của lãnh đạo Tổng công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội (HABECO), sự đoàn kết của tập thể cán bộ, công nhân viên, Ban giám đốc Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp quyết liệt, sáng tạo, tháo gỡ được khó khăn, thực hiện đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa thị trường để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả: Công ty đã hoàn thành vượt

mức kế hoạch tất cả các chỉ tiêu do Đại hội đồng cổ đông năm 2021 đề ra, đạt mục tiêu kép: “Vừa phòng chống dịch, vừa phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả”.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2020 | Năm 2021 |
|---|-------------|----------|----------|
| <i>Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản</i> | | | |
| - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản | % | 64,74 | 69,73 |
| - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản | % | 35,26 | 30,27 |
| <i>Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn</i> | | | |
| - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn | % | 17,12 | 19,87 |
| - Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn | % | 82,88 | 80,13 |
| <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| - Hệ số thanh toán hiện hành | lần | 3,78 | 3,51 |
| - Hệ số khả năng thanh toán nhanh | lần | 2,76 | 2,28 |
| <i>Tỷ suất sinh lời</i> | | | |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) | % | 8,91 | 3,51 |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 5,5 | 2,49 |
| - Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) | % | 10,75 | 4,38 |

- Phân tích những biến động - những thay đổi lớn so với dự kiến và nguyên nhân dẫn đến biến động:

+ Khả năng thanh toán: Khả năng thanh toán nhanh cũng như khả năng thanh toán hiện hành đều ở phạm vi an toàn cao, nên không có nguy cơ rủi ro về khả năng thanh toán.

+ Chỉ số tỷ suất sinh lời: Trong năm 2021, Lợi nhuận sau thuế bằng 38,1% so với năm 2020, tổng tài sản giảm 3.079.937.093 đồng (bằng 96,7% so với

2020) . Tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng trong tổng tài sản, tài sản dài hạn giảm. Cơ cấu vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn giảm.

+ Tình hình quản lý tài sản: tuân thủ pháp luật nhà nước, Điều lệ và các quy định của doanh nghiệp.

b) Tình hình nợ phải trả

- Công nợ phải thu đến kỳ báo cáo: 374.162.900 đồng

- Công nợ phải trả đến kỳ báo cáo: 17.852.653.214 đồng

Nợ phải trả năm 2021 tăng 12,4% so với năm 2020, tương đương 1,9 tỷ đồng.

Công ty không có nợ phải trả quá hạn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý.

- Công tác kế hoạch vật tư: Chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan để lập và điều chỉnh kế hoạch sản xuất linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của thị trường, đặc biệt trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội do dịch bệnh COVID-19; Cung ứng và dự trữ vật tư, nguyên liệu đáp ứng kịp thời nhu cầu sản xuất, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng nguyên liệu đầu vào giúp hiệu quả trong sản xuất và ổn định chất lượng sản phẩm

- Công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ và các điều kiện đảm bảo An toàn Vệ sinh Lao động trong sản xuất được thực hiện hàng tháng để đảm bảo tuyệt đối an toàn cho Người lao động và thiết bị trong quá trình sản xuất.

- Công tác sáng kiến cải tiến kỹ thuật: với 21 sáng kiến, giải pháp kinh tế kỹ thuật được công nhận và khen thưởng đã giải quyết kịp thời những yêu cầu của sản xuất, mang lại hiệu quả và lợi ích thiết thực.

- Công tác tổ chức, lao động: Tổ chức phòng chống dịch bệnh Covid 19 hiệu quả; Thực hiện hỗ trợ lao động nghỉ việc do ảnh hưởng của Nghị định 100/NĐ-CP và dịch bệnh do Covid 19.

- Công tác tiêu thụ và thị trường: Thị trường nội tỉnh cấm bán hàng 9 tháng, thị trường ngoại tỉnh thắt chặt các quy định về lưu thông hàng hóa, nhất là với các loại hàng hóa không thiết yếu, đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc tiêu thụ hàng hóa. Trước tình hình đó, Ban điều hành đã rất nhạy bén, kịp thời chuyển đổi cơ cấu sản phẩm sang bao bì dùng 01 lần, dung tích nhỏ, dễ bảo quản, phương thức vận chuyển linh hoạt, đã giúp Công ty mở rộng được thị trường mới ở ngoại tỉnh, giữ vững được sản lượng tiêu thụ bia Hải Dương;

Chủ động đa dạng hóa thị trường, xây dựng thị trường mới ở các khu vực vùng Tây Bắc và tỉnh Quảng Ninh; Phân cấp, xây dựng dữ liệu thông tin mạng lưới bán hàng của các khách hàng chi tiết, khoa học. Tiếp tục củng cố hệ thống kênh phân phối, mạng lưới bán hàng cho các loại sản phẩm thương hiệu bia Hải Dương.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Năm 2022, nền kinh tế dự báo vẫn gặp nhiều khó khăn, thách thức trước diễn biến của dịch bệnh COVID-19 và tình hình chính trị trên thế giới. Sức cầu và thói quen tiêu dùng của người dân có nhiều thay đổi, đặc biệt đối với sản phẩm bia; Chi phí nguyên vật liệu và vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh tăng cao, giá xăng dầu tăng; Việc vận chuyển cung cấp hàng hóa khó khăn, nguồn cung bị hạn chế, đứt gãy chuỗi cung ứng...; Các chính sách quản lý của Nhà nước đối với đồ uống có cồn, sự cạnh tranh khốc liệt trên thị trường và diễn biến phức tạp của dịch bệnh cũng tiếp tục ảnh hưởng lớn đến hoạt động SXKD của Công ty và việc làm, thu nhập của người lao động.

Đứng trước tình hình nêu trên, Ban điều hành xác định:

- Tiếp tục khai thác có hiệu quả phát huy những nguồn lực hiện có, linh hoạt trong sản xuất để sẵn sàng đáp ứng nhu cầu sản phẩm đa dạng của từng đối tượng khách hàng, từng vùng thị trường.

- Tập trung cho công tác phát triển, mở rộng thị trường ngoại tỉnh để nâng cao thị phần và tỷ trọng sản phẩm tiêu thụ ở tỉnh ngoài. Đẩy mạnh đầu tư cho các điểm bán hàng trực tiếp tới người tiêu dùng tại khu dân cư.

- Thực hiện đầu tư các hạng mục cấp thiết theo yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm, phù hợp với điều kiện và tình hình tài chính và sản lượng hiện nay. Sửa chữa, cải tạo thiết bị trọng yếu đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn.

- Tăng cường công tác quản trị nhân lực, quản lý doanh nghiệp, làm tốt công tác tiết kiệm trong tất cả các khâu nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

- Bảo đảm việc làm, thu nhập cho người lao động và lợi ích của các cổ đông, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước.



Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

| Chỉ tiêu | Đvt | Kế hoạch 2022 | % so với thực hiện 2021 |
|-----------------------|-----------|---------------|-------------------------|
| 1. Sản lượng | 1.000 lít | 25 435 | 103,1 |
| 1.1- Bia Hải Dương | - | 22 590 | 100,1 |
| 1.2- Bia hơi Hà Nội | - | 2.845 | 136,0 |
| 2. Doanh thu | Tỷ.đ | 133,6 | 107,9 |
| 3. Nộp ngân sách | - | 94,0 | 97,5 |
| 4. Lợi nhuận sau thuế | - | 2,78 | 88,4 |

Để thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, phương hướng nhiệm vụ trọng tâm trong công tác tổ chức sản xuất kinh doanh như sau:

* Về công tác Kế hoạch và sản xuất

- Tiếp tục làm tốt công tác thống kê, dự báo, xây dựng kế hoạch sản xuất cụ thể, sát với diễn biến tiêu thụ. Cung ứng đúng, đủ vật tư cho sản xuất duy trì tồn kho hợp lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động và kho tàng.

- Chủ động trong công tác chỉ đạo điều hành, tăng tính linh hoạt trong việc phân bổ, thực hiện kế hoạch sản xuất, cân đối xuất nhập tồn kho hợp lý.

- Tập trung sửa chữa, cải tạo thiết bị và chủ yếu đầu tư các thiết bị phụ trợ để đảm bảo sản xuất và các thiết bị cho việc phát triển sản phẩm mới.

- Tăng cường công tác quản lý, thực hành tiết kiệm trong sản xuất, gắn trách nhiệm với quyền lợi, mở rộng các hình thức khoán các khâu trong quá trình sản xuất, lưu thông, giảm tối đa chi phí sản xuất, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

* Về công tác thị trường

- Phát huy lợi thế, tập trung đẩy mạnh làm tốt công tác hỗ trợ và chăm sóc khách hàng bằng nhiều hình thức thích hợp. Tiếp tục củng cố hệ thống kênh phân phối, mạng lưới bán hàng cho các loại sản phẩm thương hiệu bia Hải Dương. Tập trung xây dựng và phát triển các điểm bán tại các khu tập trung dân cư. Duy trì và mở rộng thị trường tại các địa bàn ngoại tỉnh có lợi thế cạnh tranh.

- Đánh giá xu hướng tiêu dùng trên thị trường để xây dựng chiến lược phát triển, tiêu thụ sản phẩm; Xây dựng và triển khai kế hoạch marketing năm 2022 cho từng khu vực thị trường, từng loại sản phẩm

*** Về công tác đầu tư xây dựng cơ bản**

Sửa chữa, cải tạo nhà xưởng, thiết bị phục vụ sản xuất.

Nghiên cứu phương án đầu tư dây chuyền chiết bia lon nhằm đa dạng hóa sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của thương hiệu Bia Hải Dương trên thị trường, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, lâu dài.

*** Về công tác tổ chức lao động**

Rà soát, điều chỉnh các hệ thống các định mức, quy chế liên quan đến lao động, lương, thưởng và các chế độ, chính sách đối với người lao động cho phù hợp pháp luật lao động.

- Bố trí lao động hiệu quả theo mùa vụ và trú trọng đến chất lượng công việc phục vụ khách hàng đảm bảo hài lòng cho khách hàng.

- Tập trung đào tạo nâng cao năng lực quản lý, làm việc hiệu quả, tiết kiệm, nâng cao kỹ năng làm việc và trình độ chuyên môn cho người lao động.

- Thực hiện và đảm bảo tốt các chế độ, quyền lợi chính đáng của Người lao động. Đẩy mạnh công tác quản lý an toàn lao động trong sản xuất, ngăn ngừa các nguy cơ tiềm ẩn dễ xảy ra tai nạn lao động, phòng chống cháy nổ mọi nơi mọi lúc; Bảo vệ an ninh trật tự và an toàn tài sản trong Công ty.

*** Về công tác tài chính**

- Cân đối, chuẩn bị nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng cơ bản, đảm bảo đủ vốn cho các hoạt động trong từng thời kỳ.

- Thực hiện tốt công tác bán hàng, quản lý tiền hàng và các chế độ báo cáo, công bố thông tin theo quy định.

*** Về công tác chất lượng và nghiên cứu phát triển sản phẩm mới**

- Chú trọng các khâu quản lý chất lượng, tiếp tục siết chặt hơn nữa công tác kiểm soát tại các công đoạn sản xuất. Đầu tư bổ sung trang thiết bị để tăng cường kiểm soát chất lượng sản phẩm; Rà soát toàn bộ quy trình công nghệ, vệ sinh, vận hành thiết bị để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng cho sản phẩm;

- Cùng cố, nâng cao chất lượng công tác cảm quan, phối hợp tốt giữa Kỹ thuật – Thị trường – Sản xuất quản lý chất lượng sau bán hàng để kịp thời phát hiện các sản phẩm bị lỗi và xử lý các tình huống trên thị trường.

- Đầu tư nghiên cứu phát triển sản phẩm bia lon và các loại sản phẩm khác, nhằm đa dạng hóa các sản phẩm, tạo ra sự khác biệt với đối thủ, nâng cao khả

năng cạnh tranh thông qua chất lượng sản phẩm và chất lượng dịch vụ chuyên nghiệp.

*** Về công tác đoàn thể**

Tổ chức động viên tinh sáng tạo, phát động các phong trào thi đua trong toàn thể cán bộ, đoàn viên công đoàn, đoàn thanh niên.

Đẩy mạnh các hoạt động xã hội từ thiện, hỗ trợ gia đình chính sách, chăm sóc Mẹ Việt Nam anh hùng tại địa phương.

Quan tâm hơn nữa đến việc nâng cao đời sống tinh thần, tích cực tham gia thiết thực các hoạt động VH-TT, các Hội thi, Hội diễn giành cho người lao động tạo ra động lực mới hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, tạo môi trường làm việc thân thiện, lành mạnh đối với mọi người lao động để xây dựng văn hoá doanh nghiệp.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn tuân thủ tốt các quy định về môi trường, không làm ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước. Việc đo đạc, đánh giá các chỉ tiêu môi trường thực hiện định kỳ: quan trắc môi trường lao động: 1 năm/lần; quan trắc môi trường (về nước thải, khí thải): 1 quý/lần; Các tiêu chí đều đạt yêu cầu cho phép. Cảnh quan Công ty luôn xanh – sạch – đẹp; Môi trường làm việc của người lao động cũng như môi trường xung quanh Công ty luôn được đảm bảo.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Nhận thức được con người chính là một trong những nguồn nhân lực quý nhất của sản xuất kinh doanh, vì vậy Công ty đã rất chú trọng đến vấn đề đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thực hiện tốt các chế độ lương, thưởng, phúc lợi, tạo môi trường làm việc an toàn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ, tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc, thấu hiểu tâm tư, nguyện vọng của người lao động, từ đó tạo động lực làm việc và giữ chân được các lao động giỏi.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty tham gia nhiệt tình các vấn đề về trách nhiệm với cộng đồng, xác định đây là một mục tiêu chiến lược để xây dựng nền kinh tế bền vững trong phạm vi nội bộ Công ty nói riêng và cả cộng đồng nói chung.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

4.1. Đánh giá của HĐQT về các mặt của Công ty.

Năm 2021, công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn: sự ảnh hưởng của dịch bệnh, chi phí đầu vào tăng, sự cạnh tranh khốc liệt giữa các thương hiệu bia trên thị trường... Tuy nhiên, nhờ sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc cùng với năng lực, kinh nghiệm và sự phấn đấu của các phòng, phân xưởng, Công ty đã tổ chức tốt công tác sản xuất, đẩy mạnh công tác bán hàng, đa dạng sản phẩm. Kết quả SXKD năm 2021: hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Công ty đảm bảo được lợi ích nhà nước - cổ đông - người lao động và cộng đồng xã hội.

Lao động, việc làm của người lao động được đảm bảo. Mức thu nhập bình quân 9,7 triệu đồng/người/tháng. Các chế độ lương, thưởng, phúc lợi được quan tâm đầy đủ.

Công ty đã tự nguyện, nghiêm túc thực hiện đầy đủ các trách nhiệm về môi trường và xã hội, được sự đánh giá cao của các bên liên quan.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động của Ban Giám đốc. Ngoài trao đổi, nắm bắt thông tin, chỉ đạo thường xuyên, trong mỗi cuộc họp Hội đồng quản trị hàng quý đều có đánh giá tình hình công tác và kết quả SXKD quý trước, đề ra nhiệm vụ công tác và kế hoạch quý tiếp theo, kịp thời đưa ra các nghị quyết, quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Ban Giám đốc công ty đã phân công nhiệm vụ, lĩnh vực phụ trách cụ thể đảm bảo thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh. Ban Giám đốc đã nỗ lực làm việc, đảm bảo theo đúng Nghị quyết, định hướng, mục tiêu của Hội đồng quản trị để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 mà Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị đã đề ra.

Về công tác công bố thông tin: Hội đồng quản trị cùng Ban Giám đốc luôn tuân thủ và chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật hiện hành về công bố

thông tin đối với doanh nghiệp niêm yết. Chế độ công bố thông tin định kỳ hoặc các thông tin bất thường đều được thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

Về chỉ đạo sản xuất kinh doanh: Tập trung ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng tầm uy tín về chất lượng các sản phẩm do Công ty sản xuất; mở rộng địa bàn trọng yếu tại các tỉnh lân cận, duy trì ổn định giá bán sản phẩm, tập trung làm tốt công tác chăm sóc khách hàng. Ban Giám đốc Công ty đã thực hiện tốt các chế độ, chính sách tiền lương, tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, cải thiện điều kiện làm việc của người lao động. Các quy định của pháp luật về lao động, bảo vệ môi trường, thực hiện quy chế dân chủ tại doanh nghiệp luôn được công ty chấp hành đầy đủ, nghiêm túc

Các tổ chức chính trị, đoàn thể xã hội được Ban lãnh đạo Công ty tạo điều kiện và phối hợp tổ chức hoạt động hài hoà, tích cực. Tình hình an ninh quốc phòng, trật tự xã hội được đảm bảo.

Các phong trào thi đua lao động sản xuất trong cán bộ công nhân viên lao động được tổ chức thiết thực, hiệu quả. Công tác an sinh xã hội, ủng hộ từ thiện được thực hiện có trọng tâm gắn với xây dựng hình ảnh, văn hoá doanh nghiệp.

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Năm 2022 tiếp tục là một năm có nhiều khó khăn và thách thức: Kinh tế khó khăn do tác động của dịch Covid đã ảnh hưởng đến sức cầu và thói quen tiêu dùng sản phẩm bia; Những thay đổi địa chính trị trên thế giới đã ảnh hưởng đến giá cả nguyên vật liệu và khả năng vận chuyển, cung cấp hàng hóa, làm cho giá cả nguyên liệu đầu vào tăng rất cao, nguồn cung bị hạn chế nên chi phí đầu vào cho sản xuất cũng tăng cao; Các chính sách quản lý của Nhà nước đối với đồ uống có cồn, diễn biến phức tạp của dịch bệnh và sự cạnh tranh trên thị trường cũng ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Sau khi được Hội đồng quản trị nhất trí thông qua, Ban điều hành báo cáo dự kiến phương hướng hoạt động, kế hoạch SXKD năm 2022 và những giải pháp tổ chức thực hiện như sau:

1. Từng thành viên Hội đồng quản trị chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể cho những công việc được phân công; tích cực trong công tác tham gia xây dựng các nghị quyết nhằm xây dựng tầm nhìn và chiến lược phát triển dài hạn cho Công ty trong tình hình mới.

2. Phối hợp cùng Tổng Công ty để đồng bộ và nâng cao năng lực hệ thống quản trị Công ty.



3. Tăng cường công tác giám sát và phối hợp với Ban điều hành nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng công tác quản trị nhân lực, quản lý đầu tư, tăng năng suất lao động, duy trì thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kiểm soát sử dụng nguyên nhiên vật liệu trong sản xuất theo định mức kinh tế kỹ thuật.

4. Tập trung cho công tác thị trường và phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng, có chiến lược và giải pháp thích ứng với tình hình mới để phấn đấu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và các Nghị quyết của Đại hội cổ đông thông qua.

5. Tiếp tục đầu tư chiều sâu phù hợp với điều kiện và tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm.

6. Bảo đảm việc làm, thu nhập cho người lao động và lợi ích của các cổ đông, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế với Nhà nước.

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị: gồm 05 thành viên, trong đó có 03 thành viên không tham gia điều hành:

1. Ông Trần Văn Trung, Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên không trực tiếp tham gia điều hành.

| | |
|--------------------|--|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 07/03/1975 |
| Nơi sinh | Hà Nội |
| CCCD | 001075001658 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú | Số 1D, ngõ 1035 đường Hồng Hà, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |

| | |
|---|--|
| Chỗ ở hiện tại | Số 1D, ngõ 1035 đường Hồng Hà, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Kỹ sư xây dựng công trình đô thị, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh |
| Chức vụ, nơi công tác hiện nay | Chánh văn phòng HĐQT Tổng Công ty |
| Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | Không |
| Số cổ phần đại diện cho HABECO tại Công ty: | 1.800.000 cổ phần, chiếm 45% tổng số cổ phần của Công ty |
| Người liên quan và số lượng cổ phần sở hữu: | Không có |

2. Ông Trần Huy Loan, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên trực tiếp điều hành.

3. Ông Bùi Bảo Ngọc: Thành viên không trực tiếp tham gia điều hành

| | |
|--------------------------------|--|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 10/05/1989 |
| Nơi sinh | Hà Nội |
| CMND | 001089000921 cấp ngày 28/07/2015 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Hà Nội |
| Địa chỉ thường trú | Số 6 Yết Kiêu, p.Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| Chỗ ở hiện tại | Số 6 Yết Kiêu, p.Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội |
| Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Thạc sỹ Quản trị và Tài chính |
| Chức vụ, nơi công tác hiện nay | Phó trưởng phòng Marketing, Tổng công ty CP Bia - Rượu - NGK Hà Nội (HABECO) |



| | |
|---|---|
| Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | Không |
| Số cổ phần đại diện cho HABECO tại Công ty: | 200.000 cổ phần, chiếm 5% tổng số cổ phần của Công ty |
| Người liên quan và số lượng cổ phần sở hữu: | Không có |

4. Ông Trần Văn Hà: Thành viên tham gia điều hành.

5. Ông Nguyễn Đặng Toàn: Thành viên không trực tiếp tham gia điều hành

| | |
|---|---|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 10/11/1978 |
| Nơi sinh | Hải Dương |
| CMND | 013110354 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Hải Dương |
| Địa chỉ thường trú | P222 - C4, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội |
| Chỗ ở hiện tại | P222 - C4, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội |
| Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kế toán kiểm toán |
| Chức vụ, nơi công tác hiện nay | Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Hà Nội |
| Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | 22.200 cổ phần, chiếm 0,55% tổng số cổ phần của Công ty. |
| Số cổ phần đại diện cho HABECO tại Công ty: | Không có |
| Người liên quan và số lượng cổ phần sở hữu: | - Bố: Nguyễn Văn Tuyên: 22.800 cổ phần, chiếm 0,57% tổng số cổ phần của Công ty; - Mẹ: Đặng Thị Nguyệt: 400 cổ phần, chiếm 0,01% tổng số cổ phần của Công ty; - Anh: Nguyễn Đặng Tuấn: 20 cổ phần, chiếm 0,0005% tổng số cổ phần của Công ty. |

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ quy chế Quản trị công ty, Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị hoàn thành vai trò, nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao. Các thành viên không tham gia điều hành, thành viên độc lập thường xuyên giám sát công tác điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thiết lập quan hệ trao đổi thông tin thường xuyên với Ban Giám đốc.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Năm 2021, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 04 cuộc họp đưa ra các nghị quyết và các quyết định về nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng quý, 6 tháng, năm và những vấn đề quan trọng khác trong công tác quản lý của Công ty:

- Ngày 31/03/2021: họp HĐQT quý I thông qua: Kết quả SXKD quý I năm 2021, phương hướng nhiệm vụ năm 2021; Kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Ngày 30/06/2021: Họp HĐQT Quý II thông qua: kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2021; Xem xét chỉ tiêu tiền lương năm 2021; Lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán BCTC năm theo Tờ trình của Ban Kiểm soát; Kế hoạch công tác 6 tháng cuối năm.

- Ngày 20/08/2021: Họp HĐQT quý III thông qua: Kết quả SXKD q8 tháng đầu năm 2021, kế hoạch công tác Quý III.

- Ngày 14/10/2021: Họp HĐQT quý IV thông qua: Kết quả SXKD 9 tháng đầu năm và kế hoạch quý IV năm 2021; Nâng lương đối với bà Đặng Thị Minh Duyệt - Kế toán trưởng Công ty:

| Stt | Thành viên Hội đồng quản trị | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp (%) | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------------------|--------------------------|-----------------------|-------------------------|
| 1 | Ông Trần Văn Trung | 4/4 | 100 | |
| 2 | Ông Trần Huy Loan | 4/4 | 100 | |
| 3 | Ông Bùi Bảo Ngọc | 4/4 | 100 | |
| 4 | Ông Nguyễn Đặng Toàn | 3/4 | 75,0 | Đi công tác |
| 5 | Ông Trần Văn Hà | 4/4 | 100 | |



* Các Nghị quyết, quyết định trong năm:

| Stt | Số NQ/QĐ | Ngày | Nội dung | Tỷ lệ thông qua |
|-----|-------------|------------|--|-----------------|
| 1 | 152/NQ-HĐQT | 04/03/2021 | Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 | 100% |
| 2 | 168/QĐ-HĐQT | 16/07/2021 | Quyết định về việc giao chỉ tiêu tiền lương năm 2021 | 100% |
| 3 | 174/QĐ-HĐQT | 15/10/2021 | Quyết định về việc nâng lương đối với bà Đặng Thị Minh Duyệt, Kế toán trưởng | 100% |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Các thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành đều là những người am hiểu về ngành sản xuất kinh doanh của Công ty. Các thành viên khác của Hội đồng quản trị đều trong Ban giám đốc điều hành.

- Các quy định pháp luật hiện hành về quản lý doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp niêm yết nói riêng đều được tuân thủ, chấp hành đầy đủ.

- Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc: thực hiện theo đúng các quy định của Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty. Công tác điều hành của Giám đốc luôn đảm bảo theo đúng định hướng, mục tiêu của Hội đồng quản trị.

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành

Thành viên HĐQT không điều hành tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, thường xuyên giám sát công tác điều hành và hoạt động SXKD của Công ty; thiết lập quan hệ trao đổi thông tin thường xuyên với Ban Giám đốc.

- Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: không có.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về Quản trị công ty:

1. Ông Trần Văn Trung
2. Ông Trần Huy Loan
3. Ông Bùi Bảo Ngọc
4. Ông Nguyễn Đặng Toàn

5. Ông Trần Văn Hà

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu:

Ban kiểm soát năm 2021 gồm 03 thành viên:

1. Bà Hà Thị Thùy Dương, trưởng ban, đến ngày 23/04/2021
2. Bà Bùi Thị Thanh Bình, trưởng ban, từ ngày 23/04/2021
3. Ông Phạm Mạnh Toàn, thành viên
4. Ông Trịnh Quang Huy, thành viên

Tóm tắt lý lịch của Ban kiểm soát:

1. Bà Hà Thị Thùy Dương – Trưởng ban, đến ngày 23/04/2021

| | |
|---|---|
| Giới tính | Nữ |
| Ngày sinh | 05/11/1991 |
| Nơi sinh | TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương |
| CMND | 142571999 cấp ngày 17/01/2012 tại CA Hải Dương |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Ninh Giang, tỉnh Hải Dương |
| Địa chỉ thường trú | 72 Vũ Trọng Phụng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương |
| Chỗ ở hiện tại | 72 Vũ Trọng Phụng, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương |
| Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Toán tài chính |
| Chức vụ | Kế toán viên |
| Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | Không |
| Số cổ phần đại diện cho HABECO tại Công ty: | Không |
| Người liên quan và số lượng cổ phần sở hữu: | Không |

2. Bà Bùi Thị Thanh Bình – Trưởng ban, từ ngày 23/04/2021

| | |
|---|--|
| Giới tính | Nữ |
| Ngày sinh | 08/11/1983 |
| Nơi sinh | TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương |
| CMND/CCCD | 03010083005108 cấp ngày 10/02/2017 tại Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư. |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Thị trấn Gia Lộc, tỉnh Hải Dương |
| Địa chỉ thường trú | 2A5 Chương Dương, Trần Phú, TP Hải Dương |
| Chỗ ở hiện tại | 2A5 Chương Dương, Trần Phú, TP Hải Dương |
| Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân QTNL; Thạc sỹ QTKD |
| Chức vụ | Phó trưởng phòng Tổ chức Lao động Hành chính, CTCP Bia Hà Nội – Hải Dương |
| Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | Không |
| Số cổ phần đại diện cho HABECO tại Công ty: | Không |
| Người liên quan và số lượng cổ phần sở hữu: | Không |

3. Ông Phạm Mạnh Toàn – Thành viên

| | |
|--------------------|--|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 26/05/1991 |
| Nơi sinh | TP Hải Phòng |
| CMND | 031671645 cấp ngày 22/05/2007 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Tiên Lãng, TP Hải Phòng |
| Địa chỉ thường trú | Xã Bạch Đằng, huyện Tiên Lãng, TP Hải Phòng |
| Chỗ ở hiện tại | Phòng 4, tầng 10, CT4, khu nhà ở CBCS Bộ Công an, ngõ 43 Cổ Nhuế, Hà Nội |
| Trình độ văn hóa | 12/12 |

| | |
|---|---|
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân kiểm toán; Thạc sỹ Kế toán |
| Chức vụ | Chuyên viên phòng KH, Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – NGK Hà Nội. |
| Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | Không |
| Số cổ phần đại diện cho HABECO tại Công ty: | Không |
| Người liên quan và số lượng cổ phần sở hữu: | Không |

4. Ông Trịnh Quang Huy, thành viên BKS

| | |
|---|---|
| Giới tính | Nam |
| Ngày sinh | 03/11/1983 |
| Nơi sinh | Ninh Bình |
| CMND | 013171238, CA Hà Nội cấp ngày 19/03/2011 |
| Quốc tịch | Việt Nam |
| Dân tộc | Kinh |
| Quê quán | Ninh Bình |
| Địa chỉ thường trú | phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội |
| Chỗ ở hiện tại | phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội |
| Trình độ văn hóa | 12/12 |
| Trình độ chuyên môn | Cử nhân Quản trị kinh doanh và TCKT |
| Chức vụ | Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán, Tổng Công ty cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Hà Nội |
| Số cổ phần cá nhân nắm giữ: | Không |
| Số cổ phần đại diện cho HABECO tại Công ty: | Không |
| Người liên quan và số lượng cổ phần sở hữu: | Không |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đã họp 04 lần để đánh giá công tác quản lý Công ty và soát xét, xem xét Báo cáo kết quả SXKD và thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty.

* Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông: Việc giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty. Ban Kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị, qua đó nắm bắt được thông tin về tình hình quản trị điều hành, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

- HĐQT, Ban Giám đốc đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong điều hành, thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định; tuân thủ đầy đủ các quy định về công bố thông tin.

- Đối với cổ đông: Trong năm 2021, BKS không nhận được đơn yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông/nhóm cổ đông có tỷ lệ và thời gian sở hữu cổ phần theo quy định trong Điều lệ Công ty.

* Sự phối hợp của BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: BKS phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Giám đốc, tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT nhằm nâng cao chất lượng và tính độc lập của BKS;

HĐQT cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của mình cho BKS; Ban Giám đốc đã tạo điều kiện để BKS thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao của HĐQT:

| | |
|----------------------|------------------------|
| Chủ tịch HĐQT | : 8.000.000 đồng/tháng |
| Phó Chủ tịch HĐQT | : 7.000.000 đồng/tháng |
| Thành viên HĐQT | : 6.000.000 đồng/tháng |
| Trưởng Ban kiểm soát | : 5.000.000 đồng/tháng |



Thành viên Ban kiểm soát : 3.000.000 đồng/tháng

Tổng thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021: 508 triệu đồng.

- Lương, thưởng, thù lao của Ban giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng Ban kiểm soát:

| Stt | Họ tên | Chức vụ | Tiền lương, thưởng, thù lao năm 2021 (Triệu đồng) | Ghi chú |
|-----|---------------------|----------------|---|---------|
| 01 | Trần Huy Loan | Giám đốc | 525 | |
| 02 | Trần Văn Hà | Phó Giám đốc | 461 | |
| 03 | Vũ Văn Khoan | Phó Giám đốc | 390 | |
| 04 | Đặng Thị Minh Duyệt | Kế toán trưởng | 362 | |
| 05 | Hà Thị Thùy Dương | Trưởng BKS | 66 | 4 tháng |
| 06 | Bùi Thị Thanh Bình | Trưởng BKS | 160 | 8 tháng |
| | Tổng cộng: | | 1.964 | |

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: (thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người có liên quan tới các đối tượng trên): không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty: Thực hiện theo đúng các quy định pháp luật hiện hành về quản lý doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp niêm yết nói riêng.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN), địa chỉ tại số 29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ý kiến kiểm toán độc lập: (được trình bày tại Báo cáo kiểm toán số 96/BCKT/TC ngày 22/03/2022 đính kèm Báo cáo tài chính được kiểm toán): Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Kiểm toán nội bộ: Đồng ý với những nhận xét, đánh giá trong Báo cáo kiểm toán của Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) tại Báo cáo kiểm toán trên về tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Báo cáo tài chính năm 2021 lập ngày 22/03/2022 của Công ty cổ phần Bia Hà Nội - Hải Dương đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) theo quy định của pháp luật bao gồm:

1. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021.
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021.
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021.
4. Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021.
5. Chi tiết đăng tải tại website của Công ty: www.habecohd.com.vn

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- HĐQT, BKS Cty;
- Lưu: T.ký.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Trần Huy Loan